

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25/8/2023

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung và cấp dưỡng nuôi
con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Mai Huy Mân.

2/. Ông Nguyễn Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 360/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kim B, sinh năm 1985 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Kim B trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Văn H quen biết nhau, tìm hiểu 06 năm thì tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 14/3/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung tại nhà riêng, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng tôi ngày nào cũng uống rượu về nhà kiếm chuyện chửi bới, rượt để đánh tôi nhiều lần. Anh H kiểm soát chặt việc chi tiêu gia đình, mua đồ đặc ăn uống, sinh hoạt trong gia đình đều phải ghi vô giấy để anh H xem mới đồng ý. Anh H thường xuyên ghen tuông, chửi bới tôi cho rằng tôi quen với người đàn ông khác rồi chửi bới tôi nhưng thật sự không có quen với ai. Gia đình hai bên có hòa giải nhiều lần nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì anh H vẫn tiếp tục chửi bới như cũ. Nay tình cảm gia đình không còn nên tôi yêu cầu ly

hôn. Chúng tôi đã ly thân từ tháng 4/2023 đến nay, tôi về sinh sống cùng với cha mẹ ruột tôi.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hoài M, sinh ngày 07/8/2005 và cháu Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 22/01/2012, ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Trước đây tôi yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi hai con chung với số tiền 2.000.000 đồng/tháng/con chung nay tôi thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng, tôi không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị B có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh H, chị B.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, theo đơn khởi kiện, chị B yêu cầu được ly hôn với anh H và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Chị B, anh H có đăng ký kết hôn hợp pháp nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh H có nơi cư trú tại xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị B, anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 14/3/2005 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị B trình bày mâu thuẫn gia đình giữa chị và anh H là do anh H thường xuyên uống rượu về nhà kiếm chuyện chửi bới, rượt để đánh chị B nhiều lần. Anh H kiểm soát chặt việc chi tiêu gia đình và thường xuyên ghen tuông, chửi bới chị cho rằng chị quen với người đàn ông khác. Gia đình hai bên có hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án chị B giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Anh H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về nội dung vụ án và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Điều đó chứng tỏ anh H đã không còn tha thiết với cuộc sống vợ chồng.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì “vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” nhưng anh H và chị B không

còn quan tâm, tin tưởng nhau, không cùng nhau chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình là vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nên mâu thuẫn gia đình giữa chị B và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của chị B là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị B và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hoài M, sinh ngày 07/8/2005 và cháu Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 22/01/2012. Theo nội dung đơn xin ly hôn thì chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn. Tuy nhiên đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cháu Nguyễn Thị Hoài M, sinh ngày 07/8/2005 đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 22/01/2012, từ khi chị B và anh H ly thân đến nay cháu V do chị B trực tiếp nuôi dưỡng và tại bản tự khai ngày 28/7/2023 cháu V có nguyện vọng mong muốn được sống chung với chị B. Do đó để đảm bảo môi trường sống ổn định của cháu V, cần tiếp tục giao cháu V cho chị B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Theo đơn khởi kiện chị B yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000 đồng/tháng/con chung cho đến khi các con chung trưởng thành, tuy nhiên trong giai đoạn hoà giải chị B rút lại yêu cầu về cấp dưỡng, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị B nên Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề cấp dưỡng.

[6] Về nợ chung và tài sản chung: Chị B và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị Trần Thị Kim B.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim B.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim B được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 22/01/2012 cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị B chưa yêu cầu.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017812 ngày 13/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị B đã thi hành xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị B, anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Văn Giang